

Câu I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

- | | | | |
|-----------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| 1. A. <u>attended</u> | B. <u>improved</u> | C. <u>dedicated</u> | D. <u>exhibited</u> |
| 2. A. <u>boxes</u> | B. <u>classes</u> | C. <u>potatoes</u> | D. <u>finishes</u> |
| 3. A. <u>Merchant</u> | B. <u>charity</u> | C. <u>champion</u> | D. <u>mechanic</u> |
| 4. A. <u>channel</u> | B. <u>translate</u> | C. <u>instance</u> | D. <u>practice</u> |

Câu II. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành câu. (3,2 điểm)

- Lan speaks Chinese very well, _____?
A. does she B. doesn't she C. isn't she D. is she
- The children talked about the films and the directors _____ interested them.
A. which B. who C. that D. whom
- Mary hardly watches the news on TV and _____.
A. neither do I B. so do I C. I don't, too. D. I do, either
- The Internet is a wonderful _____ of modern life.
A. discovery B. exploration C. invention D. result
- If you want to pass the final exam, you _____ study harder.
A. can B. must C. will D. may
- My closest friend was busy. _____, she couldn't come to the party.
A. Therefore B. But C. However D. So
- This exercise is _____ for him to do.
A. so difficult B. too difficult C. enough difficult D. such difficult
- It _____ that she is the luckiest person in the company.
A. believe B. believed C. believes D. is believed
- Nam works much _____ than I do.
A. harder B. more hardly C. hard D. hardest
- My daughter has a / an _____ schoolbag.
A. old nice blue leather B. old nice leather blue
C. nice leather blue old D. nice old blue leather
- As estimated in the report, the storm _____ great damage to the coastal cities.
A. make B. cause C. lead D. bring
- Would you mind not _____ the radio until I've finished doing my homework?
A. turning off B. turning on C. turning to D. turning up

Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D tương ứng với từ/ cụm từ đồng nghĩa với phần gạch được gạch chân.

13. As a government official, Benjamin Franklin often traveled **abroad**.

- A. widely B. secretly C. alone D. oversea

14. Like my grandparents, people used to go **bare – footed**, even in winter.

- A. for a walk B. with shoes C. without shoes D. on foot

Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với câu đáp lại phù hợp trong các tình huống giao tiếp sau.

15. **Mary:** “ Congratulations on your winning the first prize at the talent contest ”

Tom : “ _____.”

- A. You’re welcome B. Not at all
C. Yes, certainly. D. That’s very kind of you to say so.

16. Lan and Mai are in the campus.

Lan: “ Why don’t we have a look round the campus ? ”- Mai: “ _____”

- A. Yes, thanks. B. Good idea ! C. It’s my pleasure. D. Do we ?

Câu III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau . (0,8 điểm)

1. Peter asked me if I could come to the meeting a following day.

- A B C D

2. This book was writing by Jack London, an American writer.

- A B C D

3. This box is such heavy that he can not move it

- A B C D

4. My grandmother has gone away with some friends of her.

- A B C D

Câu IV. Viết dạng đúng của động từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. When she came home, her children (**watch**) _____ TV.

2. We (**not see**) _____ Jim for a long time. It’s about ten years since we last saw him.

3. Could you tell me how (**start**) _____ this car.

4. Do you mind (**take**) _____ some photos, Mary ?

Câu V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau: (0,8 điểm)

1. Do you know the _____ of English now. (**important**)

2. My penpal friend is interested in the _____ beauty of Ha Long Bay (**nature**)

3. The car was so small that I sat _____ in the back seat. (**comfort**)

4. _____ . Taking part in English Speaking Festival will help you to _____ your English.

(**improvement**)

Câu VI. Chọn một phương án A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn.

Many British people who go abroad on holiday, to visit family, (1) _____ on short business trips are advised to find out how to get urgent (2) _____ before leaving the UK. They have to bring a form (3) _____ explains what they should do if they fall ill or have an accident, and what arrangements exist in each country for medical treatment. The regulations are fairly simple but if people do not have this information, they may find that private medical care is extremely expensive. It is not unusual for people to discover that they do not have enough money with them to (4) _____ the total costs and in such circumstances an already difficult situation becomes even more complicated.

1. A. and B. or C. so D. but

- | | | | |
|-------------|------------|--------------|-----------------|
| 2. A. treat | B. treated | C. treatment | D. mistreatment |
| 3. A. when | B. why | C. who | D. which |
| 4. A. pay | B. give | C. take | D. spend |

Câu VII. Đọc đoạn văn sau và chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi. (0,8 điểm)

Students at the age of 18 always have to face a difficult decision to make. Some want to go on with their study at college or university; others prefer to start work immediately. Many school leavers are eager to go to work in order to make money to live independently and help their parents. They always do their best to overcome any obstacles they may encounter. Unfortunately, owing to the guidance poor and biased from their parents and teachers, most boys and girls are ill-prepared for unemployment. Therefore, they often feel worried and build up all sort of fearsome prospects in **their** mind as the time to start work gets nearer. It is the **duty** of the school and family to prepare these young people for their future jobs.

1. The main idea of the passage is _____.

- | | |
|------------------------------------------|---------------------------------------|
| A. Learning at university | B. Getting to know about new job |
| C. Starting to work after leaving school | D. Making an important decision at 18 |

2. Why do some young people want to find a job after they leave school?

- | | |
|------------------------------------|------------------------------------------|
| A. They are badly in need of money | B. They want to lead an independent life |
| C. Their parents do not help them | D. They want to get rid of schooling |

3. What does the word " **their** " refer to?

- | | | | |
|-----------|------------|-------------|-------------|
| A. people | B. parents | C. students | D. teachers |
|-----------|------------|-------------|-------------|

4. The word " **duty** " is closest in meaning to _____

- | | | | |
|-------------------|---------|--------|-------------|
| A. responsibility | B. work | C. job | D. activity |
|-------------------|---------|--------|-------------|

Câu VIII. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi. (0,8 điểm)

The first of May, May Day is not a big festival for most of Britain. But for the students and the people of Oxford, it's an important celebration. The focus of the celebration is the Tower of Magdalen College at 6 o'clock in the morning. The college choir stands at the top of the tower and sings a hymn to spring. In the street below about 15.000 people stand and listen. Many people, especially the students, stay up all night at parties before the celebrations. They often dress up in smart clothes – such as - dinner jackets – for these parties. There are other celebrations all round the city. Groups of Morris dancers perform traditional English dances in the streets. Pubs and cafés open early all over the city. The festivalgoers are hungry and need some breakfast.

1. Is May Day a big festival for the students and the people of Oxford?

2. What does the college choir do at 6 o'clock in the morning?

3. What kinds of clothes do the students wear at parties before the celebration?

4. Do festivalgoers have breakfast at Pubs and cafés or restaurants?

Câu IX. Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi với câu đã cho: (1,2 điểm)

1. They will build a new school in this area next month.

→ ***A new school***

2. “ Do you often practice speaking English with your partner ? ”, the examiner asked Nga.

→ ***The examiner***

3. Ask him first and he will offer to help.

→ ***If***

4. The last time they saw that film was 2 years ago.

→ ***They haven't***

5. My brother is a more skillful tennis player than me.

→ ***My brother plays***

6. Despite having all the necessary qualifications, they didn't offer me the job.

→ ***Although***

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO 10 THPT
NĂM HỌC 2024 - 2025**

MÔN: TIẾNG ANH

Hướng dẫn chấm có: 01 trang.

Tổng số: 50 câu = 10 điểm (Mỗi câu đúng được 0,2 điểm)

Câu I. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

1. B	2. C	3. D	4. C
------	------	------	------

Câu II. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành câu. (3,2 điểm)

1. B	2. C	3. A	4. C
5. B	6. A	7. B	8. D
9. A	10. D	11. B	12. B
13. D	14. C	15. D	16. B

Câu III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu. (0,8 đ

1. D	2. B	3. A	4. D
------	------	------	------

Câu IV. Viết dạng đúng của động từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. were watching 2. have not seen 3. to start 4. taking

Câu V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn chỉnh các câu sau. (0,8 điểm)

1. importance 2. natural 3. uncomfortably 4. improve

Câu VI. Chọn một phương án A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn. (0,8 điểm)

1. B	2. C	3. D	4. A
------	------	------	------

Câu VII. Đọc đoạn văn sau và chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi. (0,8 điểm)

1. D	2. B	3. C	4. A
------	------	------	------

Câu VIII. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi. (0,8 điểm)

1. Yes, it is.
2. The college choir stands at the top of the tower and sings a hymn to spring.
3. They wear dinner jackets. /They wear smart clothes - such as - dinner jackets.
4. Festival goers have breakfast at Pubs and cafés

Câu IX. Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu đã cho. (1,2 điểm)

1. A new school will be built in this area next month.
2. The examiner asked Nga if she often practiced speaking English with her partner.
3. If you ask him first, he will offer to help.
4. They haven't seen that film for 2 years.
5. My brother plays tennis more skillfully than I do/ me.
6. Although I had all the necessary qualifications, they didn't offer me the job..

(Nếu thí sinh có cách làm khác với đáp án đã cho mà đúng thì giám khảo thảo luận để thống nhất cho điểm.)

